

Vietnam Daily Review

VN-Index điều chỉnh xuống vùng 1400-1450 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/12/2021		•	
Tuần 6/12-10/12/2021		•	
Tháng 12/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Hôm nay thị trường tiếp tục trải qua một phiên điều chỉnh xuống vùng 1400-1450. Sau một buổi sáng giằng co, đến cuối phiên sáng, bên bán chiếm được ưu thế khiến VN-Index giảm xuống ngưỡng 1400 trước khi đóng cửa thấp hơn 2% so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với số mã giảm áp đảo số mã tăng, 18/19 ngành giảm điểm. Ngành duy nhất giữ được đà tăng hôm nay là ngành Truyền thông với mức tăng gần 1%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Nếu trong những phiên tới thị trường tiếp tục giảm điểm, ngưỡng hỗ trợ tiếp theo sẽ là vùng 1380. Hoặc không, VN-Index sẽ tích lũy quanh vùng 1400-1450 trong một vài phiên nhờ dòng tiền bắt đáy trước khi hình thành xu hướng tăng mới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể canh bán các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 06/12/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo xu hướng giảm sâu của chứng khoán cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: G36_Hồi phục (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **-29.74** điểm, đóng cửa **1,413.58** điểm. HNX-Index **-13.42** điểm, đóng cửa **435.85** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **POW (+0.22)**, **SSI (+0.13)**, **VND (+0.10)**, **ITA (+0.10)**, **VIC (+0.10)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.46)**, **GAS (-2.20)**, **HPG (-2.20)**, **CTG (-1.11)**, **TCB (-1.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **28,270** tỷ đồng, tăng **3.4%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 31,387 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 52 điểm. Thị trường có **54** mã tăng, 34 mã tham chiếu và **420** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **308.83** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (176.92 tỷ)**, **SSI (128.31 tỷ)**, **VNM (76.01 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-3.11** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1413.58**
Giá trị: 28270.32 tỷ **-29.74 (-2.06%)**
Khối ngoại (ròng): 308.83 tỷ

HNX-INDEX **435.85**
Giá trị: 3577.08 tỷ **-13.42 (-2.99%)**
Khối ngoại (ròng): -3.11 tỷ

UPCOM-INDEX **109.19**
Giá trị: 2034.39 tỷ **-2.92 (-2.6%)**
Khối ngoại(ròng): 10.61 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	67.5	1.92%
Giá vàng	1,781	-0.13%
Tỷ giá USD/VND	22,970	0.78%
Tỷ giá EUR/VND	25,964	0.77%
Tỷ giá JPY/VND	20,300	0.87%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	15.72%
LS TPCP 5 năm	0.9%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	176.9	DXG	-64.5
SSI	128.3	HDB	-46.5
VNM	76.0	VIC	-40.7
VND	44.4	MSN	-36.5
BVH	31.7	TPB	-28.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
G36_Hồi phục

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: vùng mua quá, xu hướng tăng.

Nhận định: G36 đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi điều chỉnh về quanh ngưỡng 22.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, đồng thuận với xu hướng tăng của cổ phiếu. Chỉ báo MACD ủng hộ xu hướng tăng giá trong khi chỉ báo RSI đang báo hiệu nhịp điều chỉnh nhẹ trong 1,2 phiên tới. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA20, MA50 và cho thấy tín hiệu vận động tích cực. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 23.6, chốt lãi tại ngưỡng 30.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 20.5.

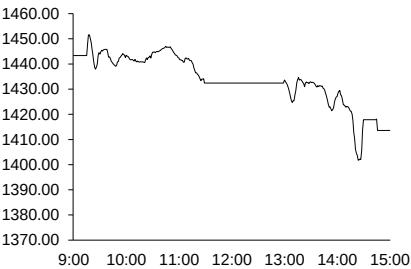
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	0.81%
Y tế	-0.72%
Bất động sản	-0.84%
Thực phẩm và đồ uống	-1.46%
Công nghệ Thông tin	-1.55%
Bảo hiểm	-1.58%
Du lịch và Giải trí	-1.59%
Bán lẻ	-1.90%
Dầu khí	-2.34%
Ngân hàng	-2.56%
Hóa chất	-2.61%
Dịch vụ tài chính	-2.75%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.04%
Xây dựng và Vật liệu	-3.07%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3.25%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3.54%
Viễn thông	-3.77%
Ô tô và phụ tùng	-3.80%
Tài nguyên Cơ bản	-4.28%

Hình 1

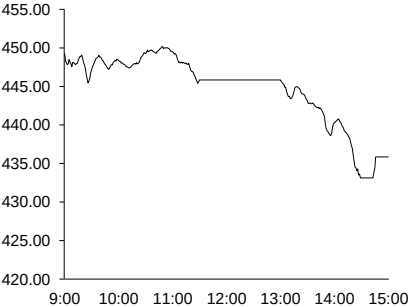
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

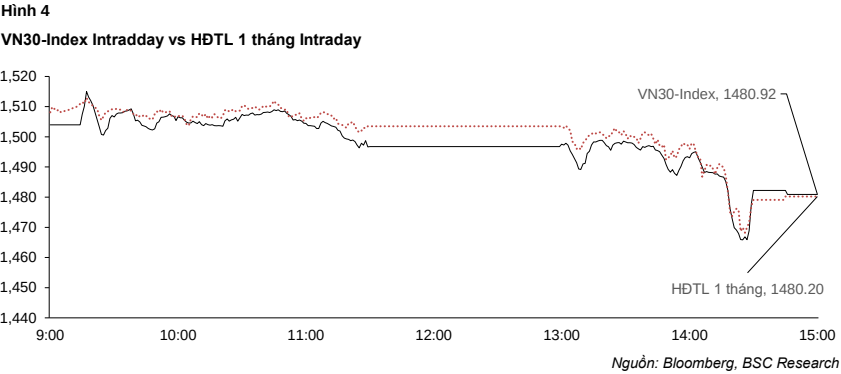
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
12/2/2021	HDC	97.9	120	95	96.5	4	-1.43%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
11/30/2021	CTD	80	87.7	73	76	6	-5.00%	Có thể tiếp tục mua
11/26/2021	FCN	18.6	24.3	17.3	22.95	10	23.39%	Cân nhắc không mua thêm (**)
11/25/2021	PDR	94.2	108.3	90	95.6	11	1.49%	Có thể tiếp tục mua
11/16/2021	NTP	62.8	72.1	59.5	60.5	20	-3.66%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/15/2021	MWG	139.4	154.5	132	131.4	21	-5.74%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/10/2021	HT1	25.5	29.3	23	25.5	26	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/28/2021	PHC	16.5	19.5	14.5	15.55	39	-5.76%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/3/2021	C69	22	26.5	19.8	SL	3	-10.00%
12/1/2021	VGt	26.9	33.7	24	SL	5	-10.78%
11/29/2021	HHV	24.3	28.7	23.2	SL	7	-4.53%
11/24/2021	FPT	97.9	112	95.3	SL	12	-2.66%
11/23/2021	VJC	132	142.2	126	SL	6	-4.55%
11/22/2021	DNW	27	30.3	26.5	SL	7	-1.85%
11/19/2021	CSM	22.4	26.5	21	SL	6	-6.25%
11/18/2021	PAN	40	46	37	SL	18	-7.50%
11/17/2021	TCM	80.4	95	77.2	SL	12	-3.98%
11/14/2021	TIP	52.2	60.5	50.8	SL	8	-2.68%
11/11/2021	VCG	44.25	50.5	42	TP	19	14.12%
11/9/2021	CTI	19.3	22.3	17.5	TP	6	15.54%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	5	8.29%	-4.32%	0.41%	17
Cổ phiếu đã chốt	219	146	14.41%	-7.57%	5.61%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2112	1480.20	-1.91%	-0.72	27.5%	198,268	12/16/2021	12
VN30F2201	1480.10	-2.10%	-0.82	31.2%	884	1/20/2022	47
VN30F2203	1473.20	-2.11%	-7.72	584.8%	719	3/17/2022	103
VN30F2206	1473.00	-2.00%	-7.92	-40.2%	469	6/16/2022	194

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 13.60 điểm xuống 1480.92 điểm. Các cổ phiếu như HPG, TCB, HDB, STB, MBB, KDH tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Chỉ số VN30 đã điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1480-1500 điểm, đây là sẽ là vùng test khá mạnh của thị trường. Nếu thủng, VN30 nhiều khả năng sẽ điều chỉnh về ngưỡng 1450 điểm.
- Các HDTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ HĐ VN30F2206 giảm thì các HDTL còn lại đều tăng. Xét về vị thế mở, HĐ VN30F2203 và VN30F2201 giảm, còn 2 HDTL còn lại đều tăng. Thị giá giảm trong khi số lượng hợp đồng giao dịch gia tăng cho thấy tín hiệu short mạnh trên các HĐLT ngắn hạn. Các nhà đầu tư có thể canh bán các HDTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB2105	2/10/2022	66	1:1	3,000	33.39%	2,500	750	0.00%	58	12.98	38,970	36,000	27,500
CFPT2107	1/26/2022	51	12:1	247,900	25.37%	1,500	670	0.00%	198	3.38	111,800	98,000	94,500
CVRE2110	4/27/2022	142	8:1	124,600	33.92%	1,000	660	-2.94%	230	2.87	33,039	29,999	28,000
CSTB2107	1/19/2022	44	2:1	284,300	41.69%	2,600	570	-5.00%	136	4.20	34,400	32,000	27,000
CVJC2101	1/6/2022	31	5:1	172,300	21.60%	3,550	1,320	-5.04%	706	1.87	135,650	120,000	120,500
CMSN2108	4/27/2022	142	20:1	115,600	38.41%	1,600	1,030	-6.36%	592	1.74	195,999	159,999	151,000
CMWG2104	3/22/2022	106	6.64:1	151,900	32.17%	2,400	6,800	-7.48%	6,472	1.05	141,700	135,000	131,400
CVRE2109	3/7/2022	91	4:1	304,800	33.85%	1,100	1,030	-12.71%	396	2.60	42,480	29,000	28,000
CFPT2105	1/6/2022	31	4.94:1	615,100	25.37%	3,500	2,400	-15.49%	2,015	1.19	100,935	86,000	94,500
CVHM2110	3/7/2022	91	7.58:1	172,300	29.04%	1,800	1,180	-15.71%	378	3.13	90,762	84,994	79,700
CHPG2109	1/10/2022	35	1:1	101,000	34.84%	4,000	1,250	-17.76%	100	12.55	56,720	55,000	45,750
CSTB2111	2/10/2022	66	3:1	1,030,400	41.69%	1,500	460	-17.86%	308	1.50	32,040	30,000	27,000
CHPG2113	3/7/2022	91	4:1	402,400	34.84%	2,400	1,400	-21.79%	342	4.09	62,980	51,500	45,750
CHDB2103	4/27/2022	142	8:1	470,600	37.19%	1,000	800	-22.33%	380	2.11	55,608	28,888	29,100
CPNJ2104	1/7/2022	32	8:1	272,700	29.95%	2,400	450	-22.41%	10	43.65	127,000	110,000	91,200
CKDH2106	2/10/2022	66	1:1	28,400	32.78%	2,500	2,030	-29.27%	733	2.77	50,980	49,000	43,300
CVNM2106	1/13/2022	38	4.91:1	89,400	20.58%	4,000	280	-30.00%	9	31.57	120,450	100,000	85,300
CMBB2103	1/7/2022	32	1.48:1	89,200	33.39%	3,000	400	-33.33%	7	60.24	35,555	47,000	27,500
CPNJ2108	2/10/2022	66	14:1	138,100	29.95%	1,500	500	-44.44%	191	2.61	111,980	97,000	91,200
CMWG2110	1/26/2022	51	12:1	80,300	32.17%	2,500	600	-50.00%	577	1.04	149,360	131,000	131,400
Tổng				4,891,300	32.04%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 06/12/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo xu hướng giảm sâu của chứng khoán cơ sở.
- CSTB2111 và CTCB2111 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt là 21.19% và 8.99%. Giá trị giao dịch giảm nhẹ -10.29%. CPNJ2108 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.44% thị trường.
- CMSN2105, CMSN2104, CMWG2104, và CMWG2109 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2109, CPNJ2108, CPNJ2104, CVNM2110 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2107, CMWG2104, và CMWG2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	131.4	-1.6%	0.9	4,072	9.6	6,130	21.4	5.0	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	91.2	-3.0%	1.0	902	2.5	4,214	21.6	3.7	47.3%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	57.5	-0.5%	1.4	1,856	4.1	2,473	23.3	2.0	26.4%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	47.0	-1.1%	0.5	479	0.6	4,211	11.2	1.5	56.6%	13.7%
VIC	Bất động sản	105.6	0.1%	0.7	17,471	27.1	1,248	84.6	4.0	13.5%	5.1%
VRE	Bất động sản	28.0	-0.4%	1.1	2,766	10.9	954	29.4	2.1	29.6%	7.4%
VHM	Bất động sản	79.7	-0.6%	1.0	15,089	23.2	8,287	9.6	4.0	23.1%	40.3%
DXG	Bất động sản	30.2	-2.9%	1.3	783	23.9	1,299		2.1	28.3%	10.3%
SSI	Chứng khoán	51.0	1.0%	1.5	2,178	69.3	2,172	23.5	3.7	38.6%	19.4%
VCI	Chứng khoán	72.0	-1.8%	1.0	1,042	18.3	4,165	17.3	3.8	20.3%	26.7%
HCM	Chứng khoán	42.2	-4.1%	1.6	840	11.3	2,651	15.9	3.3	42.1%	22.1%
FPT	Công nghệ	94.5	-1.0%	0.9	3,729	9.9	4,443	21.3	5.0	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	75.4	-2.8%	0.4	1,076	0.0	4,304	17.5	5.2	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	92.0	-4.8%	1.3	7,656	5.1	4,283	21.5	3.6	2.7%	17.6%
PLX	Dầu khí	51.7	-3.0%	1.5	2,856	4.7	2,650	19.5	2.7	17.2%	14.2%
PVS	Dầu khí	24.4	-2.4%	1.7	507	5.3	1,186	20.6	0.9	7.2%	4.6%
BSR	Dầu khí	20.4	-1.9%	0.8	2,750	7.4	(909)		2.0	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	118.5	1.5%	0.3	674	0.3	6,020	19.7	4.3	54.4%	22.6%
DPM	Hóa chất	45.3	-5.3%	0.8	770	13.2	4,018	11.3	2.0	9.3%	18.6%
DCM	Hóa chất	35.2	-6.1%	0.7	810	16.8	1,701	20.7	2.8	5.0%	13.7%
VCB	Ngân hàng	95.4	-2.7%	1.1	15,384	4.3	5,697	16.7	3.2	23.6%	20.8%
BID	Ngân hàng	42.0	-0.1%	1.3	7,336	5.2	2,449	17.1	2.0	16.7%	12.2%
CTG	Ngân hàng	32.1	-2.7%	1.3	6,707	18.2	3,449	9.3	1.6	25.3%	18.6%
VPB	Ngân hàng	35.5	-0.6%	1.2	6,861	32.7	2,781	12.8	2.5	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	27.5	-2.8%	1.2	4,518	19.8	2,940	9.4	1.9	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	32.3	-0.8%	1.0	3,794	9.1	3,599	9.0	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	56.0	-3.4%	0.7	199	0.2	2,574	21.8	2.0	84.3%	9.1%
NTP	Nhựa	60.5	-1.8%	0.5	310	0.5	3,574	16.9	2.6	18.5%	15.4%
MSR	Tài nguyên	26.8	-2.5%	0.7	1,281	0.6	39	687.2	2.1	10.1%	0.3%
HPG	Thép	45.8	-4.1%	1.1	8,897	70.2	7,087	6.5	2.4	24.4%	45.6%
HSG	Thép	34.9	-6.9%	1.4	749	19.3	8,806	4.0	1.6	8.9%	49.6%
VNM	Tiêu dùng	85.3	-0.6%	0.6	7,751	11.9	4,511	18.9	5.7	54.5%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	151.6	-3.4%	0.8	4,227	0.8	5,883	25.8	4.6	62.7%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	151.0	0.0%	0.9	7,750	7.2	2,031	74.3	8.3	32.2%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	22.5	-4.9%	1.2	615	5.8	1,066	21.1	1.7	7.6%	8.3%
ACV	Vận tải	78.5	-1.9%	0.8	7,430	0.2	577	136.0	4.6	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	120.5	0.1%	1.1	2,838	4.0	279		3.8	16.7%	0.9%
HVN	Vận tải	22.1	-3.3%	1.7	2,123	2.7	(6,523)		20.4	5.9%	-267.4%
GMD	Vận tải	47.4	-3.3%	1.0	621	5.3	1,443	32.8	2.4	40.8%	7.4%
PVT	Vận tải	22.0	-4.8%	1.3	310	2.9	2,443	9.0	1.4	13.1%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	117.2	-2.7%	0.9	815	1.0	10,231	11.5	4.0	3.7%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	50.9	-0.2%	0.4	992	8.0	2,122	24.0	3.4	3.8%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	25.5	0.0%	0.9	423	2.4	1,212	21.0	1.7	3.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	76.0	-1.3%	1.0	244	2.7	727	104.5	0.7	45.9%	0.7%
CII	Xây dựng	25.2	-6.7%	0.6	262	10.3	12	2128.1	1.3	20.1%	0.1%
REE	Điện	65.1	-3.6%	-1.4	875	2.5	5,541	11.7	1.6	49.0%	14.7%
PC1	Điện	35.3	-4.7%	-0.4	361	2.1	2,804	12.6	1.8	5.3%	16.5%
POW	Điện	13.9	2.6%	0.6	1,415	13.0	1,240	11.2	1.1	3.0%	10.0%
NT2	Điện	21.6	-1.6%	0.5	270	0.7	2,063	10.5	1.5	14.7%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	49.0	-4.1%	1.1	1,214	24.4	1,706	28.7	1.8	15.9%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	49.0	-1%	1.0	2,205	1.1			3.3	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
POW	13.90	2.58	0.21	21.54MLN
SSI	51.00	0.99	0.13	31.27MLN
VND	73.90	1.23	0.10	9.02MLN
VIC	105.60	0.09	0.10	5.83MLN
ITA	13.40	3.08	0.10	27.06MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-2.50	1.01MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-2.28	1.23MLN	607060
HPG	0.00	-2.26	34.63MLN	373600
CTG	0.00	-1.12	12.85MLN	192700
TCB	0.00	-1.09	22.91MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LM8	16.95	6.94	0.00	138900.00
BAF	25.65	6.88	0.03	200
VRC	19.55	6.83	0.02	517600
PTL	12.55	6.81	0.02	5.47MLN
FCN	22.95	6.74	0.05	12.90MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
QBS	6.51	-7.00	-0.01	2.31MLN
CTS	38.00	-6.98	-0.08	1.98MLN
TDC	24.00	-6.98	-0.05	751500.00
ABS	23.35	-6.97	-0.04	1.38MLN
OGC	8.41	-6.97	-0.05	2.04MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIG	24.50	9.87	0.21	2.00MLN
IPA	68.50	1.78	0.15	871400.00
CMS	31.00	9.93	0.03	432600
KLF	6.50	1.56	0.03	13.18MLN
LDP	35.60	9.88	0.01	323100

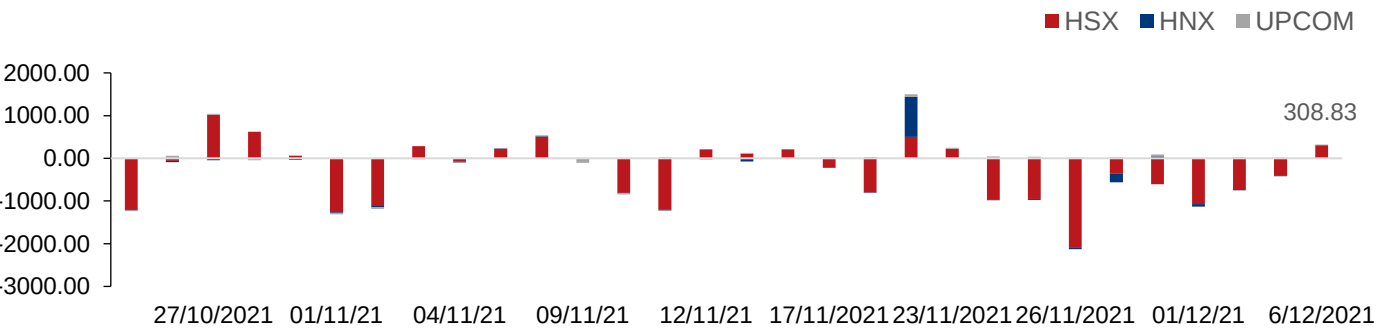
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	248.60	-1.15	-1.33	540800
CEO	39.20	-9.89	-1.16	5.69MLN
BAB	22.50	-3.85	-1.07	95700
SHS	46.00	-3.56	-0.92	13.76MLN
IDC	75.00	-2.98	-0.91	2.65MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMS	31.00	9.9	0.03	432600
LDP	35.60	9.9	0.01	323100
LM7	8.90	9.9	0.00	31700
TIG	24.50	9.9	0.21	2.00MLN
HEV	23.60	9.8	0.00	6500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
API	73.80	-10.00	-0.26	393800
APS	41.40	-10.00	-0.50	3.82MLN
C69	19.80	-10.00	-0.05	1.49MLN
L61	9.00	-10.00	-0.01	2400
PVL	18.90	-10.00	-0.16	2.99MLN

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	33.2	1,267	26.2	1.7	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	20.4	-909	#N/A N/A	2.0	Click
4	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	39.2	-511	#N/A N/A	3.6	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	44.3	3,855	11.5	1.8	Click
6	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	73.9	8,518	8.7	1.8	Click
7	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	35.2	1,701	20.7	2.8	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	155.4	7,258	21.4	5.4	Click
9	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	121.0	4,942	24.5	7.4	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	79.0	5,988	13.2	4.0	Click
11	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	45.3	4,018	11.3	2.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	33.2	2,633	12.6	2.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	30.2	1,299	23.3	2.1	Click
14	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	24.7	839	29.4	1.5	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	94.5	4,443	21.3	5.0	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	92.0	4,283	21.5	3.6	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	45.8	7,087	6.5	2.4	Click
18	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	34.9	8,806	4.0	1.6	Click
19	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	17.0	-1,113	#N/A N/A	1.6	Click
20	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	21.7	1,655	13.1	1.0	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	18.5	1,251	14.7	1.3	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	43.3	1,856	23.3	2.8	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	47.6	6,706	7.1	1.7	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	36.8	3,858	9.5	1.1	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	94.0	8,024	11.7	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	131.4	6,130	21.4	5.0	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	38.4	9,467	4.1	1.6	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	52.9	4,331	12.2	2.3	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	21.6	2,063	10.5	1.5	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	35.3	2,804	12.6	1.8	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	29.5	2,201	13.4	1.5	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	91.2	4,214	21.6	3.7	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	91.2	4,214	21.6	3.7	Click
34	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	13.9	1,240	11.2	1.1	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	65.1	5,541	11.7	1.6	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.5	1066.2	21.1	1.7	Click
37	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	34.3	1,064	32.2	3.5	Click
38	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	41.8	16,115	2.6	1.1	Click
39	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	56.0	2,570	21.8	4.0	Click
40	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	24.9	3,114	8.0	2.9	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	24.5	570	43.0	2.0	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	58.5	4,475	13.1	1.9	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	85.3	4,511	18.9	5.7	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	28.0	954	29.4	2.1	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	42.6	3306.9	12.9	2.1	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	27.8	1,559	17.8	1.7	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	73.4	3,256	22.5	6.3	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
2	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
5	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
6	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
8	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
11	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
13	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
14	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
21	Banking Sector Outlook		x	Click
22	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
24	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
25	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
26	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
27	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
29	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
30	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
31	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
32	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
34	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
35	Fishery Outlook 2021		x	Click
36	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
37	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
38	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
40	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
41	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
42	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639